

SỞ GD&ĐT BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trường THPT Nguyễn Du, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	34	38HS/phòng
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	34	38HS/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	0,36 m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1	1/1
8	Bình quân học sinh/lớp	38	38/1
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.738	9,9 m ² / HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.300	2,6 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng	2226	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.600	1,25 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	462	0,36 m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	82	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	82	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	02	0,17
1.2	Khối lớp 11	02	0,17
1.3	Khối lớp 12	02	0,2
2	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	50 m ²
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	26 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	1/1
2	Loa trợ giảng	10	0,3/1
3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	1/1



XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		4		0,19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Đồng Xoài, ngày 09 tháng 9 năm 2019

KT. Thủ trưởng đơn vị



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Phạm Chanh Hải

